

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ năm 2019 (đợt 2)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 557/TTr-SKHCSN ngày 22/5/2019 và ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 1466/STC-HCSN ngày 18/6/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt triển khai thực hiện 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ với tổng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ cấp tỉnh là 7.796 triệu đồng (*Bảy tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu đồng*). Trong đó, kinh phí năm 2019 là 2.091 triệu đồng (*Hai tỷ không trăm chín mươi một triệu đồng*) từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 1166/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2019 (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này làm cơ sở cho công tác lập kế hoạch cấp phát và quản lý kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể:

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Hướng dẫn các cơ quan chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ lập dự toán chi tiết theo từng nội dung cụ thể để làm cơ sở thẩm tra, cấp phát, kiểm soát chi và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

b) Ký kết hợp đồng với các tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý khoa học và công nghệ. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra quá trình triển khai thực hiện và tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định để làm cơ sở cho việc thanh, quyết toán kinh phí khi nhiệm vụ hoàn thành, đảm bảo đúng mục đích, tiêu chuẩn định mức quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Tổ chức và cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng mục tiêu, nội dung được phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ; Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX<sub>lmc286</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đặng Ngọc Dũng**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NĂM 2019 (đợt 2)**

(Kèm theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

| Số TT                       | Tên nhiệm vụ   | Thời gian thực hiện | Cơ quan chủ trì, Chủ nhiệm vụ  | Mục tiêu và nội dung chủ yếu  | Tổng kinh phí thực hiện  | Kinh phí SN KHCN |            |            |          | Phương thức khoán chi |
|-----------------------------|--|---------------------|--|---|--|------------------|------------|------------|----------|-----------------------|
|                             |  |                     |  |   |  | Năm 2019         | Năm 2020   | Năm 2021   | Năm 2022 |                       |
| <b>Lĩnh vực Nông nghiệp</b> |  |                     |  |   |  |                  |            |            |          |                       |
| 1                           | Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | 30 tháng            | -Cơ quan chủ trì: Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp Lý Sơn.<br>-Đồng chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Đình Trung và TS. Huỳnh Minh Sang. | <b>* Mục tiêu</b><br><b>Mục tiêu chung:</b> Điều tra đánh giá nguồn lợi, đặc điểm sinh trưởng phát triển và hiện trạng khai thác của Đẹp. Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững của Đẹp nhằm bảo vệ nguồn lợi tự nhiên trên đảo, đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng thủy sản, nâng cao thu nhập cho người dân tại huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.<br><b>Mục tiêu cụ thể:</b><br>- Điều tra đánh giá hiện trạng nguồn lợi, đặc điểm sinh học (phân loại, sinh thái phân bố, sinh trưởng), đặc điểm sinh sản và hiện trạng khai thác, tái tạo nguồn lợi của Đẹp tại huyện Lý Sơn.<br>- Quy hoạch vùng bảo vệ của Đẹp ngoài tự nhiên tại huyện đảo Lý Sơn.<br>- Xây dựng mô hình nuôi và hướng dẫn kỹ thuật nuôi của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn. | <b>Tổng kinh phí: 1.530</b><br>Trong đó:<br>-Kinh phí SNKHCN là: <b>1.376</b><br>-NS huyện: <b>150</b><br>-Vốn dân: <b>4</b> | <b>410</b>       | <b>635</b> | <b>331</b> |          | Khoán chi từng phần   |

|   |   |          |                             |   |                                       |            |            |            |  |                     |
|---|---|----------|-----------------------------|---|---------------------------------------|------------|------------|------------|--|---------------------|
|   |   |          |                             | <p>- Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nguồn lợi của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn.</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p><b>Nội dung 1.</b> Điều tra, đánh giá hiện trạng nguồn lợi, tình hình khai thác và tái tạo nguồn lợi của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn.</p> <p><b>Nội dung 2.</b> Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và sinh thái của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn.</p> <p><b>Nội dung 3.</b> Xây dựng bản đồ phân bố, phân vùng bảo vệ và phát triển nguồn lợi của Đẹp tại huyện đảo Lý Sơn.</p> <p><b>Nội dung 4.</b> Thử nghiệm mô hình nuôi của Đẹp tại Lý Sơn (mô hình nuôi ngoài tự nhiên và mô hình nuôi thương phẩm trong bể).</p> <p><b>Nội dung 5.</b> Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nguồn lợi của Đẹp ở huyện đảo Lý Sơn.</p> <p><i>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh đề tài).</i></p> |                                       |            |            |            |  |                     |
| 2 | Đề tài: Điều tra, đánh giá nguồn lợi và đề xuất | 30 tháng | -Cơ quan chủ trì: Trung tâm | <p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b> Điều tra, đánh giá nguồn lợi, vị trí phân bố, đặc điểm</p>  | <b>Tổng kinh phí:</b><br><b>1.610</b> | <b>412</b> | <b>776</b> | <b>422</b> |  | Khoán chi từng phần |

|  |   |  |   |   |                    |  |  |  |  |  |
|--|---|--|---|---|--------------------|--|--|--|--|--|
|  | giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững Nhum sọ ở tỉnh Quảng Ngãi. |  | Dịch vụ Nông nghiệp Lý Sơn.<br>-Đồng chủ nhiệm: KS. Phạm Văn Tuấn và ThS. Nguyễn Phi Uy Vũ. | sinh trưởng phát triển và hiện trạng khai thác Nhum sọ. Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nhằm bảo vệ nguồn lợi và đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng thủy sản, nâng cao thu nhập cho người dân vùng biển ở tỉnh Quảng Ngãi.<br><b>Mục tiêu cụ thể:</b><br>- Điều tra, đánh giá nguồn lợi, đặc điểm sinh trưởng phát triển và hiện trạng khai thác Nhum sọ tại tỉnh Quảng Ngãi.<br>- Quy hoạch vùng bảo vệ Nhum sọ tại tỉnh Quảng Ngãi.<br>- Xây dựng mô hình nuôi Nhum sọ và hướng dẫn kỹ thuật nuôi Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi.<br>- Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững nguồn lợi Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi.<br><b>*Nội dung:</b><br><b>Nội dung 1.</b> Đánh giá nguồn lợi, hiện trạng khai thác và bảo vệ Nhum biển tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi<br><br><b>Nội dung 2.</b> Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và sinh thái của Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi | tư kinh phí SNKHCN |  |  |  |  |  |
|--|---|--|---|---|--------------------|--|--|--|--|--|

|   |  |          |  |  |   |            |            |            |  |                     |
|---|--|----------|--|--|---|------------|------------|------------|--|---------------------|
|   |  |          |  | <p><b>Nội dung 3.</b> Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi</p> <p><b>Nội dung 4.</b> Đề xuất giải pháp bảo vệ, phát triển và khai thác bền vững Nhum sọ tại vùng biển tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p><i>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh đề tài)</i></p>   |   |            |            |            |  |                     |
| 3 | <p>Đề tài: Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bóng cát sông Trà (<i>Glossogobius sparsipapillus</i>) tỉnh Quảng Ngãi</p> | 24 tháng | <p>-Cơ quan chủ trì: Trung tâm Quốc gia giống thủy sản nước ngọt miền Trung.</p> <p>-Chủ nhiệm: KS. Lê Văn Diệu.</p> | <p>* <b>Mục tiêu:</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b> Chủ động tạo ra nguồn con giống và phát triển nguồn lợi cá bóng cát sông Trà tỉnh Quảng Ngãi.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu sinh sản nhân tạo cá bóng cát sông Trà với tổng số lượng cá bột sản xuất được 1 triệu con.</li> <li>- Nghiên cứu ương giống cá bóng cát sông Trà với tổng số lượng con giống sản xuất được 200.000 con, kích cỡ 2-3 cm.</li> <li>- Nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bóng cát sông Trà trong môi trường nước ngọt và nước lợ, sản lượng cá thương phẩm sản xuất được khoảng 400kg (cỡ 8-10 g/con).</li> <li>- Duy trì, phát triển nguồn lợi cá bóng cát Sông Trà và tạo sinh kế cho người dân bằng việc thả tái tạo</li> </ul> | <p><b>Tổng kinh phí: 1.610</b></p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Kinh phí SNKHCN là: <b>1.410</b></li> <li>-Vốn dân: <b>200</b></li> </ul> | <b>414</b> | <b>864</b> | <b>132</b> |  | Khoán chi từng phần |

|   |   |          |  |   |   |            |              |            |  |                     |
|---|---|----------|--|---|---|------------|--------------|------------|--|---------------------|
|   |   |          |  | <p>nguồn lợi 50.000 con giống cá bống cát.</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p><b>Nội dung 1.</b> Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và ương giống cá bống cát sông Trà.</p> <p><b>Nội dung 2.</b> Thử nghiệm mô hình nuôi thương phẩm cá bống cát sông Trà.</p> <p>- Thử nghiệm mô hình nuôi cá bống cát trong ao nước ngọt với quy mô diện tích 500-600 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Thử nghiệm mô hình nuôi cá bống cát trong ao nước lợ với quy mô diện tích 500-600 m<sup>2</sup>.</p> <p>- Thử nghiệm mô hình nuôi cá bống cát trong lồng bè trên sông Trà Khúc, quy mô 4 lồng nuôi với tổng diện tích 100 m<sup>2</sup> lồng (thể tích 200 m<sup>3</sup>).</p> <p><b>Nội dung 3.</b> Thả cá giống bống cát tái tạo nguồn lợi trên sông Trà Khúc.<br/>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh đề tài)</p> |   |            |              |            |  |                     |
| 4 | Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng | 24 tháng | -Cơ quan chủ trì: Phòng Nông nghiệp và | <p><b>* Mục tiêu:</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b><br/>Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh cây lạc</p>  | <b>Tổng kinh phí:</b><br><b>5.296,32</b><br>Trong đó: | <b>480</b> | <b>1.258</b> | <b>282</b> |  | Khoán chi từng phần |

|  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|---|--|--|--|--|--|--|
|  | <p>chuyên canh lạc (<i>đậu phộng</i>) trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi</p> |  | <p>PTNT huyện Sơn Tịnh.<br/>-Chủ nhiệm: KS. Huỳnh Ngọc Tuấn.</p> | <p>trên đất lúa và màu kém hiệu quả, gắn với chế biến theo chuỗi giá trị nhằm tăng thu nhập cho nông dân từ 20% trở lên tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ứng dụng KHCN theo hướng cơ giới hóa đồng bộ và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật để xây dựng mô hình chuyên canh cây lạc trên đất lúa và màu kém hiệu quả, quy mô 80 ha, năng suất lạc vỏ khô đạt từ 30-45 tạ/ha.</li> <li>- Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động dịch vụ của Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ.</li> <li>- Xây dựng chuỗi liên kết bền vững giữa Nông dân - HTX- Doanh nghiệp trong trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ lạc.</li> </ul> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p><b>Nội dung 1.</b> Nâng cao năng lực của HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ.</p> <p><b>Nội dung 2.</b> Chuyển giao công nghệ để triển khai xây dựng các mô hình của dự án.</p> <p><b>Nội dung 3:</b> Xây dựng mô hình thâm canh, chế biến, đóng gói gắn với ứng dụng cơ giới hóa và liên kết tiêu thụ sản phẩm.</p> | <p>-Kinh phí SNKHCN là: <b>2.020</b></p> <p>-NS huyện: <b>1.092,8</b></p> <p>-Vốn HTX: <b>745,92</b></p> <p>-Vốn dân: <b>1.437,6</b></p> |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|---|--|--|--|--|--|--|



|   |  |          |  |  |   |     |     |     |    |                     |
|---|--|----------|--|--|---|-----|-----|-----|----|---------------------|
|   |  |          |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng mô hình thâm canh và liên kết tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Xây dựng mô hình ép dầu, đóng chai và dán nhãn sản phẩm dầu lạc Tĩnh Thọ.</li> <li>- Xây dựng mô hình xử lý, đóng gói khô dầu lạc và liên kết tiêu thụ sản phẩm.</li> <li>- Xây dựng mô hình ủ chua thân lá lạc làm thức ăn gia súc.</li> <li>- Xây dựng mô hình xử lý phế phụ phẩm từ cây lạc làm phân bón hữu cơ.</li> </ul> <p><b>Nội dung 4:</b> Đào tạo, tập huấn và hội nghị triển khai, tổng kết dự án.<br/>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh dự án).</p> |   |     |     |     |    |                     |
| 5 | Dự án: Xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ nghệ dưới tán rừng keo mới trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi | 36 tháng | <p>-Cơ quan chủ trì: UBND huyện Sơn Tịnh.</p> <p>-Đồng Chủ nhiệm: KS. Phạm Đông và PGS. TS. Nguyễn Văn Toàn.</p> | <p><b>* Mục tiêu</b></p> <p><b>Mục tiêu chung:</b><br/>Tạo ra sản phẩm hàng hóa dưới tán rừng keo mới trồng nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập trên 01 đơn vị diện tích rừng trồng keo cho hộ tham gia sản xuất lâm nghiệp, góp phần hạn chế giảm thiểu xói mòn và suy thoái môi trường đất rừng sản xuất.</p> <p><b>Mục tiêu cụ thể:</b><br/>- Xây dựng mô hình trồng nghệ dưới</p>  | <p><b>Tổng kinh phí: 3.920</b></p> <p>Trong đó:<br/>- Kinh phí SNKHCN là: <b>1.380</b></p> <p>-NS huyện: <b>1.573</b></p> <p>-Vốn HTX: <b>585</b></p> | 375 | 595 | 350 | 60 | Khoán chi từng phần |

|  |  |  |  |                         |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|-------------------------|--|--|--|--|--|
|  |  |  | <p>tán rừng keo mới trồng với quy mô 10 ha, với năng suất 10 tấn củ tươi/ha/năm.</p> <p>- Xây dựng mô hình thu hoạch, sơ chế, chế biến và bảo quản các sản phẩm từ củ nghệ với năng suất chế biến nghệ tươi 300 kg/giờ; viên nang nghệ 50 hộp/ngày; nước uống nghệ nano detox 100 chai/ngày. Tạo ra được sản phẩm 100 kg sản phẩm tinh bột nghệ; 500 hộp viên nang từ tinh bột nghệ và 1000 chai nước uống nghệ nano detox.</p> <p>- Thực hiện chuỗi liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nghệ.</p> <p><b>* Nội dung:</b></p> <p><b>Nội dung 1.</b> Nâng cao năng lực của HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Bắc.</p> <p><b>Nội dung 2.</b> Chuyển giao công nghệ để triển khai xây dựng các mô hình của dự án.</p> <p><b>Nội dung 3.</b> Xây dựng mô hình trồng, chăm sóc nghệ dưới tán rừng keo tại tỉnh Quảng Ngãi với quy mô 10 ha với năng suất 10 tấn/ha.</p> <p><b>Nội dung 4.</b> Khảo nghiệm quy trình công nghệ sản xuất tinh bột nghệ và các sản phẩm thực phẩm (viên nang nghệ mật ong, nước uống nghệ nano</p> | -Vốn dân:<br><b>382</b> |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|-------------------------|--|--|--|--|--|

|  |  |  |   |              |              |              |              |           |  |
|--|--|--|---|--------------|--------------|--------------|--------------|-----------|--|
|  |  |  | <p>detox).</p> <p><b>Nội dung 5.</b> Xây dựng mô hình chế biến các sản phẩm từ cây nghệ.</p> <p><b>Nội dung 6.</b> Công bố hợp quy chất lượng và xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm tinh bột nghệ và các sản phẩm được chế biến từ tinh bột nghệ trên thị trường.</p> <p><b>Nội dung 7.</b> Đào tạo, tập huấn, hội nghị triển khai, tổng kết dự án.<br/><i>(Cụ thể từng công việc theo thuyết minh dự án).</i></p> |              |              |              |              |           |  |
| <b>Tổng cộng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh hỗ trợ:</b> |  |  |   | <b>7.796</b> | <b>2.091</b> | <b>4.128</b> | <b>1.517</b> | <b>60</b> |  |

**Tổng cộng:** - 05 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh triển khai thực hiện năm 2019 (đợt 2).

- Tổng kinh phí thực hiện từ ngân sách sự nghiệp KH&CN tỉnh là: **7.796** triệu đồng;

Trong đó: Ngân sách sự nghiệp KH&CN các năm là:

+ Năm 2019: **2.091** triệu đồng;

+ Năm 2020: **4.128** triệu đồng;

+ Năm 2021: **1.517** triệu đồng;

+ Năm 2022: **60** triệu đồng.